

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2021- 2022
KHỐI MẪU GIÁO 4-5 TUỔI

STT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM	CHỦ ĐỀ/THÁNG THỰC HIỆN									
			Mầm non	Bản thân	Gia đình	Nghề nghiệp	Thế giới Động vật	Tết và mùa xuân	Thế giới thực vật	PT và quy định GT	Nước và HT TN	QH ĐN-B H
I.	GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT											
a. Phát triển vận động:												
Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp												
1	- Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	*Các động tác hô hấp:										
		- Thổi nơ	X		X							
		- Gà gáy					X					X
		- Ngửi hoa						X	X			
		- Máy bay				X				X		
		- Thổi bóng bay		X							X	
		Tay - vai :										
		- Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang ngang	X							X		

		- Hai tay đưa ra phía trước-sau và vỗ vào nhau		X			X					
		- Đưa ra trước, gấp khuỷu tay			X			X				
		- Đưa 2 tay ra trước về phía sau								X		X
		- Đánh xoay tròn 2 vai.				X					X	
		Lưng – bụng:										
		- Nghiêng người sang 2 bên	X		X							
		- Quay sang phải sang trái, sang phải		X		X						
		- Đứng cúi người về trước					X		X			
		- Ngồi, cúi về phía trước, ngửa ra sau						X			X	
		- Ngồi, quay người sang 2 bên								X		X
		Chân:										
		-Đứng 1 chân đưa lên trước, khụy gối	X		X							
		- Đứng 1 chân, nâng cao-gập gối		X		X					X	

		- Đứng nhún chân, khụy gối					X		X			
		- Ngồi nâng 2 chân, duỗi thẳng						X		X		X
		Bật nhảy:										
		- Bật tại chỗ	X		X							
		- Bật nhảy lên trước, ra sau		X		X		X		X		
		- Bật nhảy sang 2 bên					X		X		X	X
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất vận động:												
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	- Đi bằng mũi bàn chân, đi bằng gót chân	X									
		- Đi khuyu gối								X		
		- Đi bước lùi							X			
		- Đi thăng bằng trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.			X							
		- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.					X					
		- Đi bước dồn trước.		X								
		- Đi bước dồn ngang.				X						
		- Bật qua vật cản 10-15cm	X									
3	Trẻ kiểm soát được vận động khi thực hiện.	- Chạy chậm khoảng 60 - 80m.				X						

		- Chạy theo bóng và bắt bóng								X		
		- Chạy theo vòng tròn										X
		- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, thay đổi hướng đích đặc theo vật chuẩn.							X			
		- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, thay đổi hướng theo vật chuẩn hoặc hiệu lệnh, theo đường đích đặc.					X					
		- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.	X					X				
		- Bật liên tục về phía trước		X								
		- Bật xa 35 - 40 cm.				X						
		- Bật tách chân, khép chân qua 5 ô.							X			
		- Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35 cm (bật sâu)					X					
4	Trẻ phối hợp tay - mắt trong thực hiện vận động.	- Bò trong đường đích đặc qua 5 điểm				X						
		- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4 m.			X							
		- Bò/trườn chui qua cổng, cổng dài 1,2m x 0,6m.	X									
		- Trườn theo hướng thẳng.					X					

		- Tung bắt bóng với người đối diện khoảng cách 2 – 2,5m									X	
		- Đập và bắt bóng tại chỗ.										X
		- Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay.						X				
		- Ném trúng đích ngang (xa 2m) hoặc đích thẳng đứng (xa 1m, cao 1m)			X							
		- Chuyển bắt bóng qua đầu, chuyển bắt bóng qua chân.		X								
		- Lăn bóng và di chuyển theo bóng							X			
5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	- Trườn, trèo qua ghế dài 1,5m, cao 30cm								X		
		- Bật đập bóng - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong khoảng 10 giây.									X	
		- Ném xa bằng 1 tay – Chạy nhanh tới đích										X
		- Ném xa bằng 2 tay- Nhảy lò cò 3m.									X	
		- Đi kiễng gót - Trèo lên xuống 5 giống thang.								X		
		- Tung bắt bóng với người đối diện – Chạy vượt qua chướng ngại vật							X			

		- Bật xa - Ném trúng đích đứng.						X				
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt												
6	Trẻ thực hiện được các vận động phối hợp cử động của bàn tay, ngón tay...	- Vò, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi	X									
		- Gấp: Gấp đôi, gấp ba, miết giấy			X						X	X
		- Lắp ghép hình. In bằng ngón tay, bàn tay, in đồ vật								X		X
		- Xé: Xé dải, xé vụn, xé mảnh, xé theo đường bao		X								
		- Cắt: Cắt đường thẳng, đường cong, đường bao										
		- Tô, vẽ hình: Vẽ nét thẳng, nét xiên, nét thẳng ngang, tô màu							X			
		- Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.		X				X		X		X
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe												
Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe												
7	Trẻ biết được một số thực phẩm cùng nhóm	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm(trên tháp dinh dưỡng)					X					

8	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số món ăn, thực phẩm của địa phương: Trứng rán, cá kho, canh cua rau đay, cơm canh...			x							
9	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.								x		x
		- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật								x		x
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt												
10	Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Tự rửa tay, lau mặt đánh răng.		x			x					
		- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.	x	x								
		- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	x									
11	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở	- Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn..				x	x					
12	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống.	- Mời cô ăn, mời bạn ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.							x			

		- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều các loại thức ăn khác nhau.								X		
		- Không ăn thức ăn có mùi ôi, thiu; không uống nước lã.								X		X
CÓ MỘT SỐ HÀNH VI VÀ THÓI QUEN TỐT TRONG SINH HOẠT VÀ GIỮ GÌN SỨC KHỎE												
13	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.									X	
		- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.									X	
		- Lựa chọn, ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.				X		X			X	
		- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.					X					
BIẾT MỘT SỐ NGUY CƠ KHÔNG AN TOÀN VÀ PHÒNG TRÁNH												
14	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm:	- Nhận biết và tránh không sử dụng những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, vật nhọn sắc,...				X						
15	Trẻ nhận ra và biết tránh một số nơi nguy hiểm không được chơi gần.	- Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm như: hồ nước, ao, bể chứa nước,							X		X	

		giếng, sông, ... hoặc trèo qua cửa sổ, chui qua lan can.										
16	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và tránh không làm những hành động nguy hiểm: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... + Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.								X		X
17	Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Biết kêu cứu và chạy khỏi đám cháy, kêu cứu khi có người rơi xuống nước, ngã chảy máu									X	
		- Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi không được cô giáo, người thân cho phép			X							
		- Kiết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm, kêu cứu khi người lạ sờ vào người, sờ		X								

		vào bộ phận sinh dục, kêu cứu khi bị bắt cóc, doạ nạt.										
		- Biết nói với cô giáo, người lớn khi thấy mệt, đau ốm, sốt.			X							
		- Không tự ý lấy thuốc khi người lớn chưa cho phép		X								
		- Nhận biết hút thuốc lá có hại cho sức khoẻ,...			X							
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC												
a. Khám phá khoa học												
Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng												
18	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.			X							
		- So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi.						X				
		- Một số đặc điểm nổi bật của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, và ích lợi, tác hại đối với con người.					X			X		
		- Gọi tên 4 mùa, một vài đặc điểm nổi bật của từng mùa									X	

19	Trẻ biết cách phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của hai con vật, cây, hoa, quả.					X		X			
		- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.								X		
		- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.									X	
		- Các nguồn nước trong môi trường sống.									X	
		- Một số đặc điểm, tính chất của nước.									X	
		- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.						X			X	
		- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.									X	
20	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Thử nghiệm với các sự vật, hiện tượng gần gũi với trẻ (VD: Thí nghiệm chìm nổi, pha màu, pha đường muối vào nước....)			X							X

21	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau	- Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện với trẻ về đối tượng và những gì trẻ được quan sát.							X			X
22	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.				X				X		
Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản												
23	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi.								X		
24	Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.				X						
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau												
25	Trẻ biết đưa ra nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	X									
		- So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi.	X									
		- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.					X		X			

		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.					X		X			
		- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.					X					
		- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.								X		
		- Một số đặc điểm, tính chất của nước.									X	
		- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.									X	
		- Sự khác nhau giữa ngày và đêm.									X	
26	Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Tạo ra các sản phẩm tạo hình về các sự vật, hiện tượng.							X			
		- Hát một số bài hát về các sự vật hiện tượng...							X			
b, Làm quen với toán												
Nhận biết số đếm, số lượng												
27	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng.	- Chữ số, số lượng số thứ tự từ 1 - 5.	X									
28	Trẻ đếm được trên đối tượng trong phạm vi 10	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.							X		X	X

29	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	x				x					
		- Thêm, bớt 2 nhóm đối tượng và đếm.								x		
		- Tách, gộp đếm và so sánh.								x		
30	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và đếm.				x				x		
31	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.				x				x		
32	Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.		x	x	x	x					
33	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số điện thoại, biển số xe,..)				x			x			x
Sắp xếp theo quy tắc												
34	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc							x			
So sánh hai đối tượng												
35	- Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo				x						x

	tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	- Đo dung tích bằng một đơn vị đo .									X	
Nhận biết hình dạng												
36	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật)	- Nhận biết được đặc điểm của hình - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.		X	X							
37	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.						X				
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian												
38	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái)		X		X						
39	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. Trẻ biết mô tả các	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.									X	
c. Khám phá xã hội												

Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp MN và cộng đồng

ST T	Mục tiêu giáo dục năm	Nội dung giáo dục năm	Mầm non	Bản thân	Gia đình	Nghề nghiệp	Thế giới Động vật	Tết và mùa xuân	Thế giới thực vật	PT và quy định GT	Nước và HT TN	QH ĐN-BH
40	Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.		X								
41	Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình.			X	X						
42	Trẻ biết nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình (Xóm – thôn – xã – huyện – tỉnh)			X							
43	Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên trường, địa chỉ của trường, lớp mình. Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non	X									

44	Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác trong trường.	X									
ST T	Mục tiêu giáo dục năm	Nội dung giáo dục năm	Mầm non	Bản thân	Gia đình	Nghề nghiệp p	Thế giới Động vật	Tết và mùa xuân	Thế giới thực vật	PT và quy định GT	Nước và HT TN	QH ĐN-BH
45	Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, một vài đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	X	X								
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương												
46	Trẻ kể được tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương như nghề trồng lúa, nghề trồng rau cần, nghề thợ xây, nghề làm bánh gai của thị trấn Ninh Giang				X						X
Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh												

47	Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Tên, đặc điểm nổi bật của một số lễ hội: Ngày khai giảng, ngày 20/10; ngày giỗ tổ, nhà giáo Việt Nam, ngày quốc tế PN....	x	x		x	x		x	x	x	x
48	Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của địa phương: Miếu Tây, nghĩa trang liệt sĩ...					x					x

III. Lĩnh vực giáo dục phát triển ngôn ngữ

Nghe và hiểu lời nói

49	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	- Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2 - 3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày.	x						x			
50	Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ..	- Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/thực vật/động vật....	x			x	x					
51	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.			x				x			x
		- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.										x

		- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.		x	x		x	x		x	x	x
		- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.		x	x		x	x		x	x	x
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày												
52	Trẻ biết cách nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.										x
		- Trả lời và đặt câu hỏi “Ai?” “Cái gì?” “Ở đâu?” “Khi nào?”				x			x			
		- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.								x		
53	Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động.		x		x						
54	Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày.						x				x
		- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.						x				x

		- Trả lời và đặt câu hỏi.			X							X
55	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại các sự việc đơn giản theo trình tự thời gian				X				X		
56	Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
57	Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Lắng nghe kể chuyện và đặt câu hỏi theo nội dung truyện.									X	
		-Kể lại sự việc có nhiều tình tiết									X	
58	Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Nghe, sử dụng các từ biểu cảm										X
		- Đóng kịch - Kể lại truyện.										X
59	Trẻ sử dụng được các từ như: “mời cô”; “mời bạn” “cảm ơn”; “xin lỗi” ... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	X	X	X				X			
60	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.								X		
Làm quen với việc đọc, viết												

61	Trẻ biết chọn sách để xem.	- Thích xem tranh ảnh và nghe đọc các loại sách khác nhau.		X						X		X
62	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa “đọc vẹt”	- Làm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách.			X		X		X			
		- “Đọc” theo tranh vẽ.						X			X	
		- Làm quen với cách đọc sách (hướng đọc: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu).						X			X	
		- Phân biệt đầu, kết thúc của sách.						X			X	
		- Giữ gìn bảo vệ sách.			X		X		X			
63	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.					X				X	
64	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà VS, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà VS, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ....)	X					X			X	

IV. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

Thể hiện ý thức về bản thân

65	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của	- Tên, tuổi, giới tính.		X								
----	---------------------------------------	-------------------------	--	---	--	--	--	--	--	--	--	--

	bản thân, tên bố, mẹ.	- Sở thích, khả năng của bản thân.		X								
66	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. Sở thích khả năng của bản thân.		X				X	X			
Thể hiện sự tự tin, tự lực												
67	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tham gia các góc chơi, biết làm việc cá nhân và phối hợp với bạn	X		X	X						
68	Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện các công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	X		X				X	X		
		- Làm việc các nhân và phối hợp với bạn.			X				X	X		
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh												
69	Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.		X						X		

70	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, qua nét mặt, giọng nói, cử chỉ của bản thân.		x	x		x	x				
		- Thể hiện sự quan tâm với người thân và bạn bè.			x			x				
71	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Xem tranh ảnh về Bác Hồ, lăng Bác Hồ.										x
72	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Hát, đọc thơ, kể chuyện về Bác Hồ.										x
73	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.										x
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội												
74	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	x		x			x				
75	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).	x			x				x		

76	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. Chú ý lắng nghe khi cần thiết.	x				x		x			
		- Không nói leo, không ngắt lời người khác.					x		x			
77	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác với cô và bạn khi được nhắc nhở				x					x	
78	Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...)	- Quan tâm, giúp đỡ bạn.		x		x						
		- Cất đồ chơi đúng nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, bỏ rác đúng nơi quy định.		x		x		x			x	
		- Phân công trực nhật.				x		x			x	
Quan tâm đến môi trường												
79	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	- Bảo vệ chăm sóc con vật.					x			x		
80	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường.						x	x		x	x
		- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.						x	x		x	x
81	Trẻ không bẻ cành, bứt hoa.	- Bảo vệ chăm sóc cây cối.				x						

82	Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Ý thức trách nhiệm khi sử dụng: tiết kiệm điện, nước.				X					X	
V. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ												
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật												
83	Trẻ biết thể hiện sự vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.										X
84	Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).				X	X					
85	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình	- Bộc lộ cảm xúc và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.						X		X	X	

	dáng...) của các tác phẩm tạo hình.											
Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình												
86	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau.			X	X	X					
		- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
87	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)					X	X	X	X	X	X
88	Trẻ biết cách phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Sử dụng các nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm tạo hình (vẽ, nặn, xé, dán)									X	
89	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	X	X		X			X	X		
90	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản	- Sử dụng một số kĩ năng tạo hình đơn giản: vẽ các nét thẳng, xiên, ngang..., tô màu; xé, cắt... theo đường										

	phẩm có màu sắc, bố cục.	thẳng, đường cong ... tạo thành sản phẩm đơn giản.			X		X			X		
91	Trẻ biết làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Sử dụng các kĩ năng nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.							X	X		
92	Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.			X	X		X				
93	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	X	X	X	X	X	X		X		
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật												
94	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.		X					X		X	
95	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	X						X			X

96	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.				X						
		- Nói được ý tưởng sản phẩm của bản thân.										X
97	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.				X						X

B. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ – SỰ KIỆN NĂM HỌC

TT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Sự kiện - Lễ hội
1	Trường mầm non	4		- Ngày hội đến trường của bé. - Vui tết trung thu
2	Bản thân	3		- Ngày 20-10
3	Gia đình	3		
4	Một số nghề	4		- Cô giáo như mẹ hiền 20-11.
5	Thế giới động vật	4		- Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12
6	Phương tiện và quy định GT	3		
7	Tết và Mùa Xuân	3		- Tết và Mùa Xuân
8	Thế giới thực vật	4		- Ngày quốc tế phụ nữ 08-3
9	Nước và hiện tượng tự nhiên	3		

10	Quê hương- Đất nước - Bác Hồ	4		- Mừng sinh nhật Bác - Tổng kết năm học – Vui tết 1/6
----	-------------------------------------	----------	--	--

C. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ VÀ CHỦ ĐỀ NHÁNH:

Mục tiêu	Tên chủ đề	Tuần	Chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện
	Trường mầm non (04 tuần)	1	Lớp 4 tuổi của Bé	
		2	Các các cô, các bác trong trường MN	
		3	Các khu vực trong trường mầm non.	
		4	Bé vui tết trung thu	

	Bản thân (03 tuần)	5	Tôi là ai?	
		6	Cơ thể của tôi	
		7	Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	
	Gia đình (03 tuần)	8	Gia đình và những người thân yêu	
		9	Ngôi nhà và đồ dùng gia đình	
		10	Nhu cầu của gia đình bé	
	Nghề nghiệp (04 tuần)	11	Nghề giáo viên - Ngày nhà giáo Việt Nam	
		12	Nghề của người thân	
		13	Một số nghề truyền thống của địa phương	
		14	Một số nghề phổ biến trong XH	
	Thế giới động vật (04 tuần)	15	Động vật nuôi trong gia đình	
		16	Động vật sống dưới nước	
		17	Động vật sống trong rừng	
		18	Chim và những con côn trùng	
	Một số phương tiện và quy định giao thông (03 tuần)	26	Phương tiện và quy định giao thông đường bộ + đường sắt	
		27	Phương tiện giao thông đường thủy	

		28	Phương tiện giao thông đường không	
	Mùa xuân tươi đẹp (03 tuần)	19	Bé vui đón tết cổ truyền	
		NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN		
		20	Các món ăn ngày tết	
		21	Mùa xuân của bé	
	Thế giới thực vật (04 tuần)	22	Cây xanh quanh bé	
		23	Một số loại hoa	
		24	Một số loại rau, củ, quả	
		25	Một số cây lương thực	
	Nước và các hiện tượng tự nhiên (03 tuần)	29	Nước, không khí, ánh sáng	
		30	Một số hiện tượng tự nhiên	
		31	Mùa hè đến rồi	
	Quê hương Đất nước Bác Hồ (04 tuần)	32	Quê hương Ninh Giang	
		33	Đất nước Việt Nam diệu kỳ	
		34	Bác Hồ kính yêu	

		35	Bé lên lớp 5 tuổi	
--	--	-----------	-------------------	--

BAN GIÁM HIỆU KÝ, DUYỆT

Ninh Giang, ngày ...tháng ... năm 202
GIÁO VIÊN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH